UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 346 /KH-UBND	*Ninh Bình, ngày* 07 *tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới

Thực hiện Chương trình hành động số 42-CTr/TU, ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới *(viết tắt là Chương trình hành động số 42-CTr/TU)*; Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hoá đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình hành động số 42-CTr/TU, đảm bảo phù hợp với bối cảnh, tình hình thực tế, tiềm năng, lợi thế, quy mô và khát vọng phát triển của tỉnh; đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030; không dàn trải nhiệm vụ, không tạo trùng lặp chức năng với các trung tâm lớn của vùng.

- Tạo chuyển biến rõ nét trong chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp từ tư duy phát triển theo địa giới hành chính sang phát triển theo chức năng, chuỗi giá trị, hành lang kinh tế, vùng động lực và hệ sinh thái; đặt sự phát triển của tỉnh trong tổng thể phát triển vùng đồng bằng sông Hồng và không gian phát triển quốc gia.

- Phân công nhiệm vụ theo nguyên tắc "6 rõ": rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả; gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu

- Bám sát Nghị quyết số 27-NQ/TW, Chương trình hành động số 42-CTr/TU, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia, điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng và điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

- Ưu tiên tích hợp nhiệm vụ vào các chương trình, kế hoạch, đề án đã ban hành; không ban hành mới văn bản trùng lặp; chỉ triển khai nhiệm vụ đầu tư khi đã xác định rõ nguồn lực, không để phát sinh đầu tư dàn trải.

- Mỗi nhiệm vụ có một cơ quan chủ trì; cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, chất lượng, kết quả; cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm về phần việc được giao.

- Theo dõi, đánh giá thường xuyên trên nền tảng số; kịp thời báo cáo các nhiệm vụ chậm tiến độ, các vấn đề vượt thẩm quyền để xử lý.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và tầm nhìn đến năm 2045 tại Chương trình hành động số 42-CTr/TU. Đến năm 2030, tập trung hoàn thành các mục tiêu trọng tâm sau:

- Tổ chức lại không gian phát triển của tỉnh theo định hướng "Một trục động lực - Hai đầu phát triển - Ba cực phát triển - Bốn vùng kinh tế - Năm hành lang kinh tế"; phát huy vai trò của ba cực phát triển Hoa Lư mở rộng, Phủ Lý, Nam Định với chức năng riêng biệt, bổ trợ lẫn nhau.

- Phát huy vai trò cửa ngõ phía Nam của Vùng động lực phía Bắc và vùng đồng bằng sông Hồng, cầu nối chiến lược với vùng Bắc Trung Bộ và vùng trung du, miền núi phía Bắc; từng bước xác lập Ninh Bình là trung tâm du lịch quốc gia, quốc tế và kinh tế di sản; trung tâm công nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, logistics, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và y tế của vùng.

- Hoàn thành các điều kiện đô thị loại I trong năm 2027; hoàn thành hồ sơ đề án thành phố trực thuộc Trung ương trong năm 2028; phấn đấu Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Thực hiện 22 chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì từng mục tiêu, chỉ tiêu xây dựng lộ trình thực hiện từng năm trong giai đoạn 2026 - 2030, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 10 hằng năm để tổng hợp, tích hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và làm căn cứ đánh giá.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức không gian phát triển và thực hiện đồng bộ các quy hoạch

- Triển khai thực hiện hiệu quả điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng bộ với điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia, điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng và các quy hoạch

ngành, lĩnh vực được phê duyệt. Tập trung rà soát lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn và các quy hoạch có liên quan bảo đảm thống nhất về không gian, hạ tầng và sử dụng đất. Hoàn thành lập Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình với các tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương, Quy hoạch phát triển đô thị hai bên bờ sông Đáy, quy hoạch phân khu Phủ Dầy, quy hoạch các đô thị TOD giáp khu vực nhà ga đường sắt tốc độ cao, cảng hàng không, cảng biển, Khu kinh tế Ninh Cơ, khu công nghiệp, khu du lịch,... mở rộng không gian, dư địa tạo bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phát triển không gian kinh tế theo hướng khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và vị trí liên kết vùng, liên kết nội vùng; phát huy vai trò của các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế và các không gian phát triển mới. Tổ chức không gian phát triển nội tỉnh theo định hướng "Một trục động lực - Hai đầu phát triển - Ba cực phát triển - Bốn vùng kinh tế - Năm hành lang kinh tế", bảo đảm sự phân công, phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau giữa các khu vực. Tập trung phát huy vai trò của ba cực phát triển tại khu vực đô thị Hoa Lư mở rộng, khu vực đô thị Phủ Lý và khu vực đô thị Nam Định theo hướng mỗi cực có chức năng, lợi thế riêng, đồng thời tăng cường liên kết, bổ trợ và lan tỏa phát triển trong toàn vùng. Chủ động khai thác đồng bộ các không gian đất liền, biển, vùng trời, không gian ngầm và không gian số, tạo nền tảng mở rộng không gian phát triển, nâng cao năng lực kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Cụ thể hóa vai trò và vị thế của tỉnh Ninh Bình trong Vùng động lực phía Bắc, gắn với việc phát triển và khai thác hiệu quả đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô Hà Nội, tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông và các trục giao thông chiến lược. Phát huy lợi thế là cửa ngõ phía Nam của vùng, tăng cường kết nối với Hà Nội, các trung tâm tăng trưởng và địa phương trong vùng Đồng bằng sông Hồng; đồng thời mở rộng liên kết với Thanh Hóa và khu vực Bắc Trung Bộ. Qua đó, nâng cao khả năng giao thương, thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế và tăng cường liên kết vùng.

- Ưu tiên phát triển các không gian kinh tế chuyên môn hóa, gắn với lợi thế riêng của từng khu vực và các hành lang kinh tế. Tập trung hình thành không gian công nghiệp, đô thị và logistics ở phía Bắc; không gian di sản, văn hóa và du lịch tại khu vực Hoa Lư và dọc sông Đáy; không gian kinh tế biển, cảng biển và logistics tại Khu kinh tế Ninh Cơ và các khu vực ven biển; đồng thời thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn và đa giá trị.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật và tích hợp đồng bộ cơ sở dữ liệu quy hoạch trên nền tảng số, bảo đảm thông tin đầy đủ, thống nhất, chính xác và thuận tiện trong khai thác, sử dụng. Đối với các chương trình, dự án đầu tư quy mô lớn, cần thực hiện đánh giá toàn diện về mức độ phù hợp với quy hoạch, khả năng kết nối

và tác động liên vùng, yêu cầu phát triển hạ tầng, bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản và hiệu quả sử dụng đất trước khi quyết định đầu tư.

2. Hoàn thiện thể chế liên kết vùng, cơ chế điều phối và phân bổ nguồn lực

- Chủ động, tích cực tham gia Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Hồng; xây dựng danh mục các nhiệm vụ, chương trình, dự án liên tỉnh mà tỉnh Ninh Bình chủ trì hoặc đồng chủ trì; thống nhất cơ chế phối hợp, cơ chế chia sẻ dữ liệu, nguồn lực và lợi ích giữa các địa phương; đối với từng nhiệm vụ liên vùng xác định một cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm.

- Đề xuất chủ trì hoặc phối hợp chủ trì một số chương trình liên kết vùng phù hợp với tiềm năng, lợi thế và vai trò của tỉnh, tập trung vào các lĩnh vực như du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, phát triển công nghiệp văn hóa; kinh tế biển, hậu cần nghề cá và logistics; quản lý, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Qua đó, tăng cường phối hợp giữa các địa phương, phát huy thế mạnh bổ trợ, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh và toàn vùng.

- Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh; kịp thời phát hiện, đề xuất sửa đổi những quy định còn chồng chéo, bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, chủ động nghiên cứu, kiến nghị Trung ương ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho các dự án, chương trình và không gian phát triển có quy mô lớn, tính liên vùng.

- Đổi mới cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tiết kiệm và hiệu quả, tập trung đầu tư cho các khu vực động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, công trình hạ tầng chiến lược và những ngành, lĩnh vực có tiềm năng tạo giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và khả năng lan tỏa cao. Ưu tiên nguồn lực nhà nước để đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, có tính nền tảng, kết nối và dẫn dắt phát triển; đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, hạn chế đầu tư dàn trải, chồng chéo và lãng phí; thu hút đầu tư tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài và đẩy mạnh hợp tác công tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

3. Đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành và phát triển các động lực kinh tế mới của vùng

- Tập trung phát triển các cực tăng trưởng và không gian kinh tế động lực theo hướng bổ trợ, liên kết và lan tỏa, gắn với hệ thống đô thị, đầu mối giao thông, khu kinh tế, khu công nghiệp, trung tâm dịch vụ, du lịch và logistics; từng bước hình thành các cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị có sức cạnh tranh cao. Đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy năng suất, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nguồn nhân lực chất lượng cao làm nền tảng; hiện đại hóa các

động lực truyền thống, đồng thời hình thành các động lực tăng trưởng mới phù hợp với lợi thế của tỉnh.

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, thông minh, xanh hóa và ít phát thải, nâng cao giá trị gia tăng và mức độ tham gia vào chuỗi giá trị. Ưu tiên thu hút, phát triển các ngành, lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao như cơ khí ô tô, điện tử, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ, cơ khí chính xác, vật liệu tiên tiến, công nghệ sinh học, y dược, năng lượng và các ngành chế biến, chế tạo có lợi thế, hiệu quả. Đồng thời, đẩy mạnh liên kết, chuyển giao công nghệ và phát triển nhà cung ứng, tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước, qua đó tạo điều kiện để doanh nghiệp của tỉnh tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển đồng bộ các ngành dịch vụ chất lượng cao; ưu tiên phát triển du lịch - công nghiệp văn hóa, logistics, y tế chuyên sâu, giáo dục - đào tạo, tài chính, thương mại, dịch vụ số và dịch vụ khoa học - công nghệ. Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng sinh thái, công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn và đa giá trị; phát triển vùng sản xuất hàng hóa lớn, các sản phẩm chủ lực, đặc sản, OCOP; đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản hình thành các trung tâm chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, gắn với vùng nguyên liệu tập trung và hệ thống logistic nông nghiệp, kho lạnh, phát triển nông nghiệp biển, thủy sản bền vững; kết hợp phát triển nông nghiệp với du lịch trải nghiệm, bảo tồn cảnh quan, đảm bảo an ninh lương thực, sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập của người dân nông thôn.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của kinh tế tư nhân, từng bước trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục cải thiện toàn diện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi để hình thành, phát triển các doanh nghiệp đầu tàu, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp công nghiệp văn hóa và logistics. Khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực quản trị, công nghệ và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để phát triển các doanh nghiệp địa phương có quy mô lớn, tiềm lực tài chính và công nghệ vững mạnh, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh ở cấp khu vực và quốc tế.

- Phát triển kinh tế biển trở thành một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh; tập trung xây dựng Khu kinh tế Ninh Cơ theo hướng khu kinh tế ven biển tổng hợp, đa ngành, đa chức năng, có sự liên kết đồng bộ giữa công nghiệp, cảng biển, logistics, đô thị và dịch vụ. Ưu tiên phát triển hệ thống cảng biển, dịch vụ logistics và hậu cần, công nghiệp ven biển, du lịch biển cùng các ngành kinh tế biển có tiềm năng, phù hợp với điều kiện tự nhiên và định hướng phát triển của tỉnh. Đồng thời, đẩy mạnh kết nối Khu kinh tế Ninh Cơ với mạng lưới giao thông quốc gia, các hành

lang kinh tế và trung tâm kinh tế lớn trong vùng, qua đó nâng cao khả năng thu hút đầu tư, mở rộng không gian phát triển và tăng cường liên kết vùng.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược, đồng bộ, hiện đại, liên vùng

- Ưu tiên huy động và bố trí nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược, trọng tâm là hạ tầng giao thông liên vùng, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế của vùng và quốc gia với khu công nghiệp, khu kinh tế, cảng biển, trung tâm logistics và khu du lịch. Tập trung đầu tư hoàn thiện các công trình, dự án trọng điểm như các tuyến cao tốc, đường Vành đai 5, tuyến đường bộ ven biển, các trục Đông - Tây và các tuyến kết nối nội tỉnh có tính chiến lược.

- Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương liên quan trong triển khai tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh, bảo đảm đồng bộ về tiến độ, hạ tầng kết nối và quỹ đất phục vụ dự án. Tổ chức không gian phát triển theo định hướng TOD quanh 03 ga hành khách Phủ Lý, Nam Định và Ninh Bình, gắn với phát triển giao thông công cộng, thương mại - dịch vụ, logistics, nhà ở và không gian công cộng, nhằm khai thác hiệu quả lợi thế vị trí và tạo động lực phát triển đô thị. Đồng thời, tăng cường quản lý chặt chẽ quỹ đất khu vực phụ cận các ga, kiểm soát đầu cơ, giữ ổn định chi phí phát triển và bảo đảm sử dụng đất hiệu quả, bền vững.

- Phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và cảng biển; tập trung triển khai, hoàn thiện các công trình kết nối với mạng lưới giao thông quốc gia, các trung tâm kinh tế, cảng biển, sân bay và các địa phương trong vùng. Tăng cường liên kết giữa các phương thức vận tải, các khu công nghiệp, khu kinh tế, vùng sản xuất và trung tâm logistics, hình thành mạng lưới giao thông thông suốt, thuận lợi, góp phần mở rộng không gian phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và giảm chi phí logistics trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, nền tảng dữ liệu dùng chung, hạ tầng viễn thông băng rộng và an toàn thông tin; xây dựng hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, năng lực tính toán và trí tuệ nhân tạo trở thành hạ tầng chiến lược của tỉnh; tích hợp hạ tầng vật lý với hạ tầng số trong giao thông, năng lượng, công nghiệp, logistics, nông nghiệp, giáo dục, y tế và dịch vụ công; phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đổi mới phương thức huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng xã hội theo hướng đa dạng hóa các hình thức đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư, ưu tiên thu hút nguồn lực tư nhân phát triển y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao. Ưu tiên đầu tư đồng bộ giao thông kết nối, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị gắn với cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức tại Ninh Bình, Khu Đại học Nam Cao và Khu công nghệ cao Hà Nam, tạo điều kiện phát huy hiệu quả các dự án động lực, hình thành không gian phát triển hiện đại và nâng cao chất lượng hạ tầng xã hội trên địa bàn.

5. Phát triển hệ thống đô thị hiện đại, các trung tâm phát triển và tạo lập không gian đô thị mới

- Phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, có bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn phát triển đô thị với giao thông công cộng, TOD, khai thác hiệu quả không gian và quỹ đất. Phát triển hệ thống đô thị đa cực, đa trung tâm gắn với các hành lang kinh tế, đầu mối giao thông, khu kinh tế, khu công nghiệp, trung tâm du lịch và dịch vụ; xây dựng các cực Hoa Lư, Phủ Lý, Nam Định trở thành ba cực phát triển có chức năng liên kết chặt chẽ và tạo sức lan tỏa cho toàn tỉnh. Tập trung xây dựng Ninh Bình trở thành đô thị loại I, đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo, thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

- Phấn đấu hoàn thành các điều kiện công nhận đô thị loại I trong năm 2027; triển khai đồng bộ Đề án xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030. Định hướng phát triển hệ thống đô thị theo mô hình đô thị di sản thiên niên kỷ, đô thị sáng tạo, đô thị công nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục, logistics, đô thị văn hóa, dịch vụ, công nghiệp và đầu mối hướng biển; ưu tiên phát triển các đô thị TOD gắn với ga đường sắt tốc độ cao, khu công nghiệp, Khu kinh tế Ninh Cơ và các đầu mối giao thông lớn, tạo động lực mở rộng không gian phát triển và nâng cao hiệu quả liên kết vùng.

- Đẩy mạnh chỉnh trang, nâng cấp và phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh và bền vững; chú trọng phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, không gian công cộng, hạ tầng xanh, hệ thống thoát nước và các công trình phòng, chống ngập. Bảo đảm yêu cầu hài hòa giữa phát triển đô thị với bảo tồn di sản, cảnh quan và phát huy bản sắc văn hóa địa phương. Tăng cường quản lý, kiểm soát hoạt động đầu tư xây dựng, bảo đảm tuân thủ các đồ án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhất là các chỉ tiêu về hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, tầng cao và kiến trúc công trình.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tạo đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ưu tiên các ngành công nghệ cao, cơ khí - ô tô, điện tử, logistics, du lịch - công nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục và dịch vụ chuyên môn; xây dựng cơ chế thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực quản trị và kỹ thuật chất lượng cao. Phát triển Khu Đại học Nam Cao thành trung tâm giáo dục đại học, nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực đa ngành của vùng; tăng liên kết giữa trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, Khu công nghệ cao Hà Nam và các cơ sở nghiên cứu lớn tại Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh.

- Hình thành hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo mô hình liên kết "*Nhà nước - doanh nghiệp - cơ sở nghiên cứu - cơ sở*

đào tạo"; ưu tiên các nền tảng công nghệ phục vụ sản xuất thông minh, công nghiệp văn hóa, bảo tồn di sản, du lịch số, y tế số, nông nghiệp thông minh, logistics và quản trị đô thị.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số và quản trị dựa trên dữ liệu; vận hành hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Ninh Bình và ứng dụng công dân số (Ninh Bình -S) phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu và tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp. Bảo đảm 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ về chuyển đổi số; xây dựng dữ liệu dùng chung của tỉnh theo nguyên tắc *"đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung",* liên thông, chia sẻ; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới; phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số gắn với đô thị thông minh; mở dữ liệu phù hợp cho doanh nghiệp, nhà nghiên cứu; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn và nền tảng số trong quản trị phát triển, cung cấp dịch vụ công, giám sát quy hoạch và hạ tầng.

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng của tỉnh thông qua phát triển kinh tế số, cải thiện đóng góp của TFP và năng suất lao động theo hướng đạt hoặc tiệm cận mức bình quân của vùng; ưu tiên tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời hoàn thiện cơ chế đặt hàng nghiên cứu khoa học gắn với các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết và những bài toán lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Phát triển văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và bảo đảm an sinh

- Triển khai hiệu quả các chủ trương của Trung ương về phát triển văn hóa, trọng tâm là Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị; tập trung xây dựng con người Ninh Bình phát triển toàn diện, có bản lĩnh, trách nhiệm, ý thức gìn giữ bản sắc và khát vọng cống hiến. Khai thác, phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, di sản và cảnh quan đặc sắc của tỉnh, từng bước hình thành nguồn lực nội sinh, sức mạnh mềm và lợi thế cạnh tranh phục vụ phát triển. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản với phát triển công nghiệp văn hóa, thúc đẩy du lịch theo hướng bền vững, có chiều sâu và phù hợp với đặc trưng của tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các địa phương trong vùng để hình thành các chương trình phát triển chung về di sản, văn hóa và du lịch; đồng thời nghiên cứu xây dựng các tuyến, cụm sản phẩm liên vùng có tính đặc sắc, khả năng kết nối cao và tạo sức lan tỏa. Tập trung phát triển ba trục sản phẩm chủ lực gồm: trục di sản các kinh đô Thăng Long - Hoa Lư - Huế; trục di sản nhà Trần kết nối Đền Trần, chùa Phổ Minh với không gian Yên Tử, Côn Sơn, Kiếp Bạc; trục văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng kết nối Bái Đính, Tam Chúc, Phủ Dầy và Phát Diệm. Tăng cường liên kết với các thị trường khách, doanh nghiệp lữ hành và các cơ quan truyền thông;

đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, từng bước xây dựng và lan tỏa thương hiệu du lịch Ninh Bình trong nước và quốc tế.

- Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, chuyên sâu, đồng bộ và lấy người bệnh làm trung tâm, trên cơ sở phát huy năng lực của mạng lưới y tế tỉnh, đồng thời khai thác hiệu quả vai trò của Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức trên địa bàn Ninh Bình để từng bước hình thành và phát triển các dịch vụ y tế chuyên sâu. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế hiện đại; xây dựng chính sách đủ mạnh để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và giữ chân đội ngũ bác sĩ, chuyên gia, điều dưỡng, kỹ thuật viên và nhân lực y tế chất lượng cao. Nâng cao chất lượng y tế cơ sở, năng lực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu; phấn đấu cải thiện các chỉ tiêu về nhân lực, chất lượng dịch vụ và mật độ bác sĩ đạt hoặc tiệm cận mức bình quân của vùng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân. Phát triển nền giáo dục theo hướng mở, công bằng, chất lượng, toàn diện và thích ứng với yêu cầu phát triển mới; tổ chức, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với không gian phát triển mới của tỉnh; đẩy mạnh đầu tư, nâng cao chất lượng và chuẩn hóa trường học. Tăng cường giáo dục STEM, giáo dục nghề nghiệp, ngoại ngữ và kỹ năng số; bảo đảm mọi người dân có cơ hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời, đồng thời gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo với nhu cầu sử dụng nhân lực của thị trường lao động.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội hiện đại, đa tầng, bao trùm và bền vững; thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người dân theo lộ trình, gắn với nâng cao năng lực y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu và quản lý sức khỏe cộng đồng; đồng thời mở rộng diện bao phủ và nâng cao chất lượng thực hiện bảo hiểm y tế. Tăng cường các chính sách trợ giúp, chăm sóc và bảo vệ đối với người có công, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, hộ nghèo, cận nghèo và các nhóm yếu thế, bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau. Ưu tiên phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê và các thiết chế phục vụ đời sống công nhân, người lao động, nhất là tại các khu công nghiệp, khu đô thị mới và khu vực phát triển theo mô hình TOD, gắn kết đồng bộ với hệ thống giao thông công cộng, trường học, cơ sở y tế, văn hóa và các dịch vụ thiết yếu.

8. Bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường khả năng chống chịu

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường. Chuyển từ phương thức quản lý môi trường theo phạm vi địa giới hành chính sang quản trị tổng hợp dựa trên lưu vực sông, vùng ven biển và các hệ sinh thái; tăng cường cơ chế phối hợp giữa các tỉnh trong kiểm soát, phòng ngừa và xử lý ô nhiễm tại lưu vực sông Nhuệ - Đáy, sông Hồng và sông Ninh Cơ. Đồng thời, thiết lập hệ thống chia sẻ dữ liệu quan trắc môi trường, nâng cao năng lực cảnh báo sớm và xây

dựng quy trình phối hợp ứng phó kịp thời, hiệu quả đối với các sự cố môi trường liên tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ các nguồn thải đặc biệt là nguồn thải công nghiệp (từ khu công nghiệp, cụm công nghiệp), làng nghề, và khu vực đô thị; Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực thu gom, phân loại tại nguồn, tái chế và xử lý chất thải theo hướng hiện đại, hiệu quả. Thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải bảo vệ môi trường. Bảo đảm các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn; Đồng thời, tăng cường quan trắc tự động, giám sát thường xuyên và công khai dữ liệu môi trường theo đúng quy định, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu lực quản lý nhà nước.

- Bảo vệ và phục hồi hiệu quả các hệ sinh thái rừng, rừng ngập mặn, đất ngập nước, cửa sông và ven biển; tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan và các sinh cảnh đặc hữu tại Vườn quốc gia Cúc Phương, Quần thể danh thắng Tràng An, khu dự trữ sinh quyển ven biển và các khu bảo tồn. Chủ động triển khai các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của sạt lở, xói lở bờ sông, bờ biển, nước biển dâng, xâm nhập mặn và ngập úng đô thị, góp phần nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm phát triển bền vững.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, gắn sản xuất và tiêu dùng với sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng và từng bước chuyển sang mô hình sản xuất xanh. Chủ động chuẩn bị hạ tầng, dữ liệu, nguồn nhân lực và cơ chế cần thiết để tham gia thị trường tín chỉ carbon theo lộ trình của Trung ương; kết hợp hài hòa giữa bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng cuộc sống của người dân.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Kết hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trong tất cả các quy hoạch, chương trình, kế hoạch và dự án đầu tư; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc, toàn diện, bảo đảm chủ quyền và an ninh trên địa bàn. Chủ động nhận diện, phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với các nguy cơ, thách thức đối với an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh dữ liệu, an ninh mạng và an toàn các chuỗi cung ứng thiết yếu. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai, sự cố môi trường và

các tình huống khẩn cấp quy mô lớn, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và ổn định trật tự xã hội.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các kênh đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân; tăng cường ngoại giao kinh tế gắn với ngoại giao văn hóa, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch theo hướng có trọng tâm, trọng điểm. Chủ động lựa chọn, thu hút các thị trường, nhà đầu tư và đối tác công nghệ chiến lược phù hợp với các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh; đồng thời khai thác tối đa lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do và tham gia hiệu quả các mạng lưới đô thị, di sản quốc tế, qua đó mở rộng hợp tác, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của tỉnh.

- Phát huy hiệu quả giá trị di sản và bản sắc văn hóa Ninh Bình trong công tác truyền thông, quảng bá và định vị hình ảnh địa phương; đồng thời mở rộng, làm sâu sắc hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực bảo tồn và phát huy di sản, phát triển du lịch bền vững, xây dựng đô thị di sản, cũng như y tế, giáo dục, công nghệ cao, kinh tế biển và thích ứng, ứng phó biến đổi khí hậu, qua đó huy động nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị và thúc đẩy phát triển bền vững của tỉnh.

10. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu quản trị phát triển vùng

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, đồng thời tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy phát triển theo vùng, có năng lực quy hoạch, khả năng kiến tạo phát triển, quản trị các dự án, chương trình quy mô lớn và điều phối hiệu quả liên ngành, liên địa phương. Lấy năng lực tổ chức thực hiện và hiệu quả thực thi nhiệm vụ làm một trong những tiêu chí quan trọng trong đánh giá, xếp loại cán bộ.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng số hóa, quản trị dựa trên dữ liệu và đánh giá theo kết quả; xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát việc triển khai Chương trình hành động, các chỉ tiêu, dự án, nhiệm vụ và nhóm giải pháp theo thời gian thực, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm. Đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý các điểm nghẽn, tình trạng chậm trễ, né tránh trách nhiệm và biểu hiện cục bộ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; nâng cao kỷ luật, kỷ cương và hiệu quả tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực và nâng cao trách nhiệm giải trình; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân, tập thể và cơ chế phối hợp trong tổ chức thực hiện. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường kiểm tra, giám sát, siết chặt quản lý công vụ; kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện né tránh, đùn đẩy, chậm trễ. Tập trung phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách quyết liệt, hiệu quả, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như

quy hoạch, đất đai, đầu tư công, đấu thầu, quản lý tài sản công và khai thác tài nguyên, bảo đảm công khai, minh bạch và sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, hiệu quả.

- Bảo đảm và phát huy quyền làm chủ và vai trò chủ thể của Nhân dân, tạo điều kiện để người dân tham gia đóng góp ý kiến, giám sát và đồng hành trong quá trình xây dựng, thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh. Tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời lấy sự hài lòng, niềm tin, chất lượng cuộc sống và khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của người dân làm căn cứ quan trọng để đánh giá chất lượng quản trị và hiệu quả hoạt động của chính quyền.

(Gửi kèm Phụ lục các chỉ tiêu và danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án trọng tâm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường căn cứ các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch này xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách và chức năng, nhiệm vụ được giao.

Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá thực hiện kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Tài chính)* kết quả thực hiện. Thường xuyên rà soát, chủ động phát hiện, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh; những vấn đề vượt thẩm quyền, báo cáo, đề xuất biện pháp giải quyết.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá thực hiện kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP, Ban, TT;
- Lưu: VT, VP2.

ĐVN_VP2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Song Tùng